

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 06/2023/DS-GĐT

Ngày 10/02/2023

V/v “*Tranh chấp chia quyền sử dụng đất
trong hộ gia đình, chia tài sản chung
và chia di sản thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- *Th phần tham gia xét xử giám đốc thẩm gồm:*

Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tiến – Thẩm phán;

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Tào và ông Đặng Kim Nhân.

- *Thư ký phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Thoa – Thẩm tra viên Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*
ông Trần Việt Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án: “*Tranh chấp chia quyền sử dụng đất trong hộ gia đình, chia tài sản chung và chia di sản thừa kế*”, giữa các đương sự:

* *Ng đơn:* bà Bùi Thị H, sinh năm 1927;

Địa chỉ: thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đào Trọng Ng, sinh năm 1954; địa chỉ: số K đường N, tổ Y, phường P, thị xã K, tỉnh Gia Lai (*theo Văn bản ủy quyền ngày 27/7/2016*).

* *Bị đơn:* ông Đào Mạnh H1, sinh năm 1970;

Địa chỉ: thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đào Mạnh H2, sinh năm 1971;

2. Bà Phan Thị T, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

3. Ông Đào Trọng Ng, sinh năm 1954;

4. Chị Đào Thị Mộng Tr, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: số D đường N, tổ Y, phường P, thị xã K, tỉnh Gia Lai.

5. Bà Đào Thị Mỹ H3, sinh năm 1962;

Địa chỉ: số B đường H, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

6. Bà Đào Thị Mỹ O, sinh năm 1966;

Địa chỉ: khu vực H, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

7. Bà Đào Thị Mỹ L, sinh năm 1968;

Địa chỉ: số T đường X, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

8. Bà Đào Thị Thu M, sinh năm 1976;

Địa chỉ: xóm T, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đào Trọng Ng, sinh năm 1954; địa chỉ: số D đường N, tổ Y, phường P, thị xã K, tỉnh Gia Lai. (theo Văn bản ủy quyền ngày 20/7/2016).

9. Ông Đặng Ngọc D, sinh năm 1954;

10. Ông Đặng Xuân Th, sinh năm 1976;

11. Ông Đặng Tấn D, sinh năm 1977;

12. Ông Đặng Đức tr, sinh năm 1979;

13. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

14. Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

Địa chỉ: số J đường P, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn cụ Bùi Thị H và người đại diện theo ủy quyền ông Đào Trọng Ng trình bày:*

Cụ Bùi Thị H và cụ Đào Xuân L là vợ chồng, ngày 13/5/2001 cụ L chết không để lại di chúc. Vợ chồng cụ L + cụ H có 10 người con, nhưng 02 người đầu tiên chết lúc mới giáp tháng, chưa có tên, 08 người con còn lại là:

1. Đào Thị B, chết 24/10/2000, B có chồng là Đặng Ngọc D, có 04 con tên Đặng Xuân Th, Đặng Thị H, Đặng Tấn D, Đặng Đức tr.

2. Đào Trọng Ng, sinh năm 1954

3. Đào Thị Mỹ H3, sinh năm 1962

4. Đào Thị Mỹ O, sinh năm 1966

5. Đào Thị Mỹ L, sinh năm 1968

6. Đào Mạnh H1, sinh năm 1969

7. Đào Mạnh H2, sinh năm 1971

8. Đào Thị Thu M, sinh năm 1976

Ngoài 08 người con kể trên thì cụ L không có con riêng, con nuôi, con ngoài giá thú.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng cụ tạo lập được thừa đất thổ cư tọa lạc tại thôn T, xã N, thị xã A gồm: thừa đất số 118, tờ bản đồ số 5, diện tích 200m² đất ở và 350m² đất vườn; 04 thừa đất ruộng thuộc tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại thôn T, xã N, thị xã A cụ thể: thừa số 50, diện tích 1.280m²; thừa số 49, diện tích 1.470m²; thừa số 97, diện tích 1.112m²; thừa số 470, diện tích 376m², tổng cộng là 4.238m²

đất ruộng. Tất cả các thửa trên đã được UBND huyện A (nay là thị xã A) cấp GCNQSDĐ số 01261/I₅ QSDĐ ngày 12/12/1996 đứng tên Đào Xuân L.

Khoảng năm 1956, vợ chồng xây dựng 01 ngôi nhà trên thửa đất thổ cư. Năm 1977 xây dựng lại thành nhà ngói vách xây đá ong, nền gạch hoa Mỹ Liên, diện tích 8m x 5m, chia thành 02 gian, mỗi gian 4m x 5m, một gian phía dưới có gác lữ bằng gỗ diện tích 4m x 5m. Năm 2001 cụ L chết không để lại di chúc, cụ H và con trai Đào Mạnh H1 ở ngôi nhà trên.

Khi nhà nước giao quyền sử dụng ruộng đất thì hộ gia đình cụ L có 06 nhân khẩu được giao ruộng đất gồm: Đào Xuân L, Bùi Thị H, Đào Mạnh H1, Đào Mạnh H2, Đào Thị Thu M, Đào Thị Mộng Tr.

Khi các con có vợ chồng ra ở riêng thì số ruộng đất được cấp chung trong hộ gia đình không chia cho con mà cụ L + cụ H canh tác, sau khi cụ L chết thì Đào Mạnh H1 tiếp tục canh tác cho đến nay.

Các lần nhà nước giải tỏa đất, tiền đền bù ruộng đất được chia cụ thể như sau:

- Đền bù nhà, đất ở, đất vườn 77.000.000đ đã chia cho con gái mỗi người 5.000.000đ, Đào Mạnh H2 3.000.000đ, Đào Mạnh H1 20.000.000đ, cụ H 29.000.000đ. Còn 26.000.000đ đền bù giá trị chuồng bò mà vợ chồng H1 xây dựng, số tiền này H1 nhận riêng. Số tiền chia cho B thì chồng của B cho H1.

- Đền bù ruộng lần 1 là 26.298.050đ chia: H1 nhận 12.298.050đ; H2 và cụ H mỗi người nhận 7.000.000đ.

- Đền bù ruộng lần 2 là 16.732.380đ cụ H ký nhận tại UBND xã N nhưng số tiền này cụ thực nhận là 4.000.000đ, còn lại H1 nhận.

Năm 2015, cụ H đến nhà Đào Trọng Ng ở thì vợ chồng Đào Mạnh H1, Phan Thị T tự ý dỡ bỏ ngôi nhà cũ do cụ L + cụ H xây dựng và xây lại ngôi nhà khác mà không có sự đồng ý của cụ H cùng các anh em, nay yêu cầu ông H1 phải bồi thường giá trị phần nhà đã tháo dỡ.

Nay yêu cầu chia tài sản riêng của cụ H trong khối tài sản chung giữa vợ chồng (Bùi Thị H và Đào Xuân L), phần di sản của cụ L yêu cầu chia đều cho các đồng thừa kế, còn phần ruộng chia đều cho những người được nhà nước cấp ruộng.

** Theo biên bản ghi lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, bị đơn ông Đào Mạnh H1 trình bày:*

Thống nhất về quan hệ gia đình như nguyên đơn được ủy quyền trình bày. Khi nhà nước giao quyền sử dụng ruộng đất thì hộ gia đình cha mẹ có 06 nhân khẩu được giao ruộng đất gồm: Đào Xuân L, Bùi Thị H, Đào Mạnh H1, Đào Mạnh H2, Đào Thị Thu M, Đào Thị Mộng Tr.

Cha chết năm 2001, không để lại di chúc, tài sản chung của cha mẹ để lại là 01 ngôi nhà cấp 4, tường xây đá ong, mái ngói xuôi, nền lát gạch hoa xi măng, rộng 4m, dài 8m, trần khía tre.

Ngày 22/01/2005, ông Đào Trọng Ng làm giấy tờ giao toàn quyền cho ông sử dụng nhà đất của cha mẹ, lo cúng giỗ sau này, việc này có sự đồng ý của mẹ và các chị em trong gia đình.

Do nhà bị hư hỏng nặng nên ông xin phép và được sự đồng ý của mẹ và các

anh chị em nên vợ chồng ông dỡ nhà cũ xây lại nhà, ông Ng là người coi ngày, mở móng và thượng lương nhà, đến khi gần về nhà mới thì ông Ng gây chuyện này nọ.

Năm 2014, nhà nước giải tỏa nhà đất để làm đường quốc lộ 1A có đền bù tiền đất 77.000.000đ, số tiền này do mẹ nhận rồi chia cho các anh chị em, ông nhận 20.000.000đ, phần đất soi đền bù 26.800.000đ ông nhận 12.000.000đ, còn mẹ và H2 nhận 14.000.000đ. Tiền đền bù khi nâng cấp kênh đê ngăn lũ 16.732.380đ, trong số tiền này mẹ nhận 4.608.000đ, số còn lại ông nhận hơn 11.000.000đ.

Hiện ông đang canh tác thửa ruộng số 470 diện tích 376m², thửa đất số 49 diện tích 1470m², còn lại ông H2 canh tác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Trọng Ng trình bày:*

Thông nhất như lời trình bày của nguyên đơn. Ông không viết “giấy ủy quyền + toàn quyền sử dụng” đề ngày 22/01/2005 với nội dung giao nhà đất của cha mẹ cho ông H1 quản lý mà ông H1 đã nộp cho Tòa án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Mạnh H2 trình bày:*

Thông nhất như lời trình bày của người được nguyên đơn ủy quyền về quan hệ gia đình, tài sản chung của cha mẹ, riêng phần gác lờ thì bằng khịa tre chứ không phải bằng gỗ. Việc vợ chồng ông H1 dỡ nhà cũ của cha mẹ ra xây dựng lại thành nhà mới có sự đồng ý của mẹ và ông Ng. Khi mẹ nhận tiền đền bù giải tỏa có cho ông 02 lần: lần nhận tiền đền bù nhà đất cho 3.000.000đ, lần đền bù đất màu cho 7.000.000đ. Về phần tài sản của mình nếu được chia thì ông yêu cầu được nhận.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T trình bày:* bà là vợ ông Đào Mạnh H1, bà thống nhất như lời trình bày của ông H1.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các bà Đào Thị Mỹ H3, Đào Thị Mỹ O, Đào Thị Mỹ L trình bày:* Thống nhất như lời trình bày của người được nguyên đơn ủy quyền, về phần tài sản thừa kế mà các chị được hưởng để lại cho mẹ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị Thu M và người đại diện theo ủy quyền ông Đào Trọng Ng trình bày:* Thống nhất như lời trình bày của người được nguyên đơn ủy quyền.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đào Thị Mộng Tr trình bày:* chị là con gái của ông Đào Trọng Ng, lúc nhỏ chị ở với ông bà nội. Nay bà nội yêu cầu chia tài sản chung và di sản thừa kế nếu quyền lợi chị được hưởng thì chị tự nguyện để lại cho cha Đào Trọng Ng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Ngọc D trình bày:* ông là chồng bà Đào Thị B. Nay cụ H yêu cầu chia tài sản chung và di sản thừa kế, phần quyền lợi ông được hưởng thì ông tự nguyện để lại cho mẹ vợ Bùi Thị H để thờ cúng ông bà.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông bà Đặng Xuân Th, Đặng Tấn D, Đặng Đức tr, Đặng Thị H trình bày:* các ông bà là con của bà Đào Thị B (chết 24/10/2000). Nay bà ngoại (Bùi Thị H) yêu cầu chia tài sản chung và di sản thừa kế, phần quyền lợi các ông bà được hưởng thì tự nguyện để lại cho cậu Đào

Mạnh H1.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã A, đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh H1 trình bày: Tại thời điểm giao quyền sử dụng ruộng đất cho nhân dân xã N, hộ gia đình do ông Đào Xuân L làm chủ hộ gồm có 06 nhân khẩu được cấp ruộng đất gồm: Đào Xuân L, Bùi Thị H, Đào Mạnh H1, Đào Mạnh H2, Đào Thị Thu M, Đào Thị Mộng Tr. Diện tích đất vườn tại thửa 118 cũng được giao cho các nhân khẩu có tên trong hộ gia đình. Theo phương án giao quyền sử dụng ruộng đất tại xã N thì 1m² đất ruộng được quy ra 2m² đất vườn hoặc 1m² đất màu. Khi giải phóng mặt bằng để làm đường thì thửa đất số 118, tờ bản đồ số 05 của hộ ông Đào Xuân L bị thu hồi tổng cộng 162.7m² (30m² đất ở và 132.7m² đất vườn), do đó diện tích thửa đất này còn lại 387.3m², nhưng qua đo đạc thực tế diện tích thửa đất này chỉ còn 315.31m², thiếu 71.99m² đất vườn. Phần diện tích thực tế giảm 71.99m² đất vườn do với GCNQSDĐ là do sai số đo đạc, phần diện tích này phù hợp với quy hoạch, không có tranh chấp.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 05/12/2017, Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 227, các Điều 264, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 216, 219, 674, 675, 676, 677 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 357, 623, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

[1] *Xác định 06 nhân khẩu được giao quyền sử dụng ruộng đất trong hộ gia đình ông Đào Xuân L gồm: Đào Xuân L, Bùi Thị H, Đào Mạnh H1, Đào Mạnh H2, Đào Thị Mộng Tr, Đào Thị Thu M, mỗi nhân khẩu được chia 46,33m² đất vườn; 248m² ruộng; 458,33m² đất màu.*

[2] *Xác định tài sản chung của vợ chồng ông Đào Xuân L và bà Bùi Thị H gồm: 200m² đất ở tại thửa số 118, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định và ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên diện tích đất này đã bị ông Đào Mạnh H1 tháo dỡ trị giá 17.110.000đ.*

Ông Đào Xuân L và bà Bùi Thị H mỗi người được chia 100m² đất ở tại thửa số 118, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định và 8.555.000đ (giá trị nhà).

[3] *Xác định di sản của ông Đào Xuân L là 100m² đất ở tại thửa số 118, tờ bản đồ số 5 xã N và ½ giá trị nhà là: 8.555.000đ; 46,33m² đất vườn trị giá 16.586.140đ; 248m² ruộng; 458,33m² đất màu.*

- *Xác định 09 người thừa kế hàng thứ nhất của ông Đào Xuân L gồm: bà Bùi Thị H, các ông Đào Trọng Ng, Đào Mạnh H1, Đào Mạnh H2, các bà Đào Thị B (bà B chết trước cụ L nên 04 người con của bà là Đặng Xuân Th, Đặng Tấn D, Đặng Đức tr, Đặng Thị H được thừa kế thế vị), Đào Thị Mỹ H3, Đào Thị Mỹ O, Đào Thị Mỹ L, Đào Thị Thu M.*

Chia di sản thừa kế của ông Đào Xuân L cho các đồng thừa kế mỗi người

được 01 kỷ phần gồm: 11,1m² đất ở và 950.555đ giá trị nhà; 1.842.904đ giá trị đất vườn đã được đền bù giải tỏa; 27,5m² ruộng; 50,9m² đất màu.

- Ghi nhận sự tự nguyện của các bà: Đào Thị Mỹ H3, Đào Thị Mỹ O, Đào Thị Mỹ L giao kỷ phần thừa kế của mình cho bà Bùi Thị H.

- Ghi nhận sự tự nguyện của 04 ông bà: Đặng Xuân Th, Đặng Tấn D, Đặng Đức tr, Đặng Thị H giao kỷ phần thừa kế của mình cho ông Đào Mạnh HI.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đào Thị Mộng Tr giao số ruộng đất mà mình được giao quyền trong hộ gia đình ông Đào Xuân L cho ông Đào Trọng Ng.

- Giao số ruộng đất nhà nước giao quyền và kỷ phần thừa kế của bà Đào Thị Thu M cho ông Đào Trọng Ng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị H không yêu cầu các bà: Đào Thị Mỹ H3, Đào Thị Mỹ O, Đào Thị Mỹ L, Đào Thị Thu M mỗi người phải hoàn trả 5.000.000đ, chị Đào Thị Mộng Tr 1.000.000đ tiền đền bù đất đã nhận.

[4] Chia nhà, đất ở, đất vườn, đất màu, đất ruộng như sau:

a/ Về phần nhà, đất ở, đất vườn.

* Giao cho ông Đào Mạnh HI diện tích đất phía nam 103,87m² (trong đó có 57,54m² đất ở, 46,33m² đất vườn) của thửa số 118 tờ bản đồ số 5 xã N, trên diện tích đất này có nhà và hiên chài do vợ chồng ông Đào Mạnh HI + bà Phan Thị T xây dựng.

* Giao cho bà Bùi Thị H diện tích đất 96,58 m² đất (trong đó có 90,29m² đất ở và 6,29m² đất vườn) của thửa số 118 tờ bản đồ số 5 xã N, trên diện tích này có 20m² nhà do vợ chồng ông Đào Mạnh HI + bà Phan Thị T xây dựng.

* Giao cho ông Đào Trọng Ng diện tích 114,86m² đất (trong đó có 22,2 m² đất ở và 92,66m² đất vườn) của thửa số 118 tờ bản đồ số 5 xã N.

(Tất cả nhà, đất có sơ đồ kèm theo)

b/ Về phần ruộng và đất màu:

* Giao cho ông HI: thửa ruộng số 470 diện tích 376m² và 487,13m² đất màu tại phần phía nam thửa số 49 (cả hai thửa đất đều thuộc tờ bản đồ số 5 xã N).

* Giao cho ông H2: 275,5m² ruộng phía tây thửa số 97 và 509,25m² đất màu kế tiếp phần đất chia cho ông HI tại thửa số 49 (cả hai thửa đất đều thuộc tờ bản đồ số 5 xã N).

* Giao cho bà Đào Thị H: 473,75m² đất màu kế tiếp phần chia cho ông H2 tại thửa số 49 và 305,58m² ruộng kế tiếp phần chia cho ông H2 ở thửa số 97 (cả hai thửa đất đều thuộc tờ bản đồ số 5 xã N).

* Giao cho ông Đào Trọng Ng: 1140,7m² đất màu tại thửa số 50 (đã trừ diện tích đền bù giải tỏa) và 539,92m² ruộng còn lại của thửa số 97 (cả hai thửa đất đều thuộc tờ bản đồ số 5 xã N).

c/ Về tiền:

* Buộc vợ chồng ông Đào Mạnh HI và bà Phan Thị T phải hoàn trả cho: Bà Bùi Thị H: 04 kỷ phần thừa kế giá trị nhà đã tháo dỡ là 3.802.220đ; Tiền đền bù

đất đã nhận là 44.852.500đ và $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đã tháo dỡ là 8.555.000đ; Tổng cộng 57.209.720đ (năm mươi bảy triệu hai trăm lẻ chín nghìn bảy trăm hai mươi đồng); Ông Đào Trọng Ng 02 kỷ phần thừa kế giá trị nhà đã tháo dỡ là 1.901.100đ (một triệu chín trăm lẻ một nghìn một trăm đồng); Ông Đào Mạnh H2 01 kỷ phần thừa kế giá trị nhà đã tháo dỡ 950.555đ (chín trăm năm mươi nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng).

* Buộc ông Đào Mạnh H1 phải hoàn trả cho bà Bùi Thị H giá trị quyền sử dụng 24,24m² đất ở là 109.080.000đ (một trăm lẻ chín triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

* Buộc bà Bùi Thị H phải trả cho vợ chồng ông Đào Mạnh H1 và bà Phan Thị T giá trị 20m² nhà và đất nâng nền tổng cộng 50.878.000đ (năm mươi triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

* Buộc bà Bùi Thị H phải giao kỷ phần thừa kế đất vườn cho ông Đào Trọng Ng và ông Đào Mạnh H1 mỗi người 3.685.808đ (ba triệu, sáu trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm lẻ tám đồng).

* Buộc bà Bùi Thị H phải trả kỷ phần thừa kế đất vườn cho ông Đào Mạnh H2 1.842.904đ; Tiền đền bù 46,33m² đất vườn 16.586.140đ; Tiền hỗ trợ 04 nhân khẩu khi đền bù đất màu là 1.710.000đ; Tổng cộng 20.139.044đ; Được khấu trừ 10.000.000đ tiền đền bù đất ông H2 đã nhận, còn cụ H phải trả cho ông H2 10.139.044đ (mười triệu, một trăm ba mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi bốn đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, lệ phí đo đạc định giá và quyền kháng cáo cho các đương sự.

- Ngày 18/11/2022, Chánh án Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định có Văn bản số 1815/CV-TA kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án sơ thẩm nêu trên vì lý do: Thừa đất số 49 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích là 1.470m², ngày 17/10/2014 và ngày 03/02/2016, UBND thị xã A đã thu hồi diện tích 137,3m², diện tích còn lại là 1332,7m². Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định phân chia thừa đất số 49 đã không trừ diện tích đã thu hồi mà lại chia diện tích đất theo diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (1.470,13m²) là không đúng; ngoài ra, trong 57,54m² đất ở giao cho ông H1 có kỷ phần thừa kế của ông H1 và bà B 22,2m², cụ H 24,24m², ông H2 11,1m², ông H1 phải có trách nhiệm thối lại cho ông H2 giá trị đất ở theo giá thị trường 4.500.000đ/m² X 11,1m² = 49.950.000đ, nhưng trong phần quyết định của Bản án sơ thẩm không buộc ông Đào Mạnh H1 phải hoàn trả cho ông Đào Mạnh H2 giá trị quyền sử dụng đất này là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H2.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 36/2022KN-DS ngày 29/12/2022, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên; đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 05/12/2017 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định;

giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định để giải quyết sơ thẩm lại, theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với thửa đất số 49 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích là 1.470m². Ngày 17/10/2014 UBND thị xã A ban hành Quyết định số 3917/QĐ-UBND thu hồi (lần 1) diện tích 41,3m²; ngày 03/02/2016 UBND thị xã A ban hành Quyết định số 3917/QĐ-UBND thu hồi (lần 2) diện tích 96m². Tổng diện tích đất thu hồi đối với thửa 49 là 137,3m² đất màu, diện tích đất màu còn lại sau khi thu hồi là 1332,7m². Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định phân chia thửa đất số 49 đã không trừ diện tích đã thu hồi mà lại chia diện tích đất theo diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ông H1 487,13m², ông H2 509,25m², cụ H 473,75m² tổng cộng 1.470,13m²) là không đúng.

Sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực, cụ H có đơn yêu cầu thi hành án, trong quá trình thi hành án, cụ H chết; do đó Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A đã đình chỉ thi hành án nên quyền sử dụng đất được chia cho cụ H, ông H1, ông H2 tại thửa đất số 49 chưa thi hành mà hiện vẫn do ông H1 quản lý, sử dụng.

Năm 2020, ông Đào Trọng Ng khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản của cụ H (trong đó có phần đất tại thửa đất số 49). Qua xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/7/2022 thì toàn bộ thửa đất số 49 có diện tích theo hiện trạng là 1180,3m². Như vậy, tại Bản án dân sự sơ thẩm xác định diện tích đất thửa số 49 là 1.470,13m², từ đó phân chia tài sản chung, chia thừa kế là không đúng với diện tích đất thực tế và không thể thi hành án được.

[2]. Ngoài ra, trong phần nhận định ở Bản án sơ thẩm (trang 11) có nội dung: trong 57,54m² đất ở giao cho ông H1 có kỹ phần thừa kế của ông H1 và bà B 22,2m², cụ H 24,24m², ông H2 11,1m², ông H1 phải có trách nhiệm thối lại cho cụ H và ông H2 giá trị đất ở theo giá thị trường 4.500.000đ/m², cụ thể:

Cụ H: 24,24m² x 4.500.000đ = 109.080.000đ

Ông H2: 11,1m² x 4.500.000đ = 49.950.000đ.

Nhưng trong phần quyết định của Bản án sơ thẩm không buộc ông Đào Mạnh H1 phải hoàn trả cho ông Đào Mạnh H2 giá trị quyền sử dụng của 11,1m² đất với số tiền 49.950.000đ là không đúng với nội dung đã nhận định của bản án, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H2.

Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 36/2022/KN-DS ngày 29/12/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343 và Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 05/12/2017 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định về vụ án “*Tranh chấp chia quyền sử dụng đất trong hộ gia đình, chia tài sản chung và chia di sản thừa kế*” giữa nguyên đơn là bà Bùi Thị H với bị đơn là ông Đào Mạnh H1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh tỉnh Bình Định (để biết);
- Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định (02 bản kèm hồ sơ vụ án để giải quyết sơ thẩm lại);
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Bình Định (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ (VP); Phòng Giám đốc kiểm tra về DS-KDTM-LĐ và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tiến